

Số: /KSBT-KHNV
V/v đề nghị báo giá thiết bị y tế

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty, doanh nghiệp cung cấp thiết bị.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2026” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Phó Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ;

Số điện thoại: 0835.733.258

Email: kehoach.cdcninhbinh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Các nhà cung cấp dịch vụ gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về: **Phòng Kế hoạch nghiệp vụ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình** (địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình).

- Đồng thời các nhà cung cấp gửi bản scan và file mềm báo giá về địa chỉ gmail: kehoach.cdcninhbinh@gmail.com.

- Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm tiếp nhận bản scan qua email (thời điểm báo có thư đến).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 11h00 ngày 20 tháng 5 năm 2026 đến trước 11h00 ngày 30 tháng 5 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày gửi báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu (có phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp

- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình (Trụ sở 1) (*địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*);

- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp: Vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, bàn giao tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 15 ngày kể từ khi đặt hàng.

4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không;

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình trân trọng thông báo và kính mời các Công ty, doanh nghiệp có đầy đủ năng lực quan tâm tham gia.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các nhà cung cấp thiết bị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHNV.

GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Nam

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU

(Kèm theo Công văn số /KSBT-KHNV ngày / 5 /2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)

STT	Tên trang thiết bị	Thông tin, yêu cầu	Số lượng	Ghi chú
1	Máy đo hoạt độ phóng xạ alpha và beta đồng thời giải thấp	<p>I. THÔNG TIN CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau- Môi trường hoạt động: Phù hợp với môi trường khí hậu tại Việt Nam- Đạt các tiêu chuẩn chất lượng ISO 10704: 2009, ISO 9697:2008, ISO 9696:2007 hoặc tương đương- Nguồn điện: 220 (+10/-15%) V/50±1 Hz <p>II. CẤU HÌNH CUNG CẤP</p> <p>Máy đo hoạt độ phóng xạ Alpha và Beta dải thấp: 01 bộ Bộ phụ kiện tiêu chuẩn đảm bảo hoạt động: 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt</p> <p>III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT</p> <p>Máy đo đồng thời phóng xạ Alpha và Beta Đáp ứng các tiêu chuẩn: ISO 10704: 2009, ISO 9697:2008, ISO 9696:2007 Loại đầu dò: đầu dò bán dẫn silicon hoặc tương đương Diện tích bề mặt đầu dò: ≤ 1000mm²</p> <p>Dải đo phóng xạ: Đo phóng xạ Alpha: ≤ 0,01 – ≥ 1000 Bq Đo phóng xạ Beta: ≤ 0,1 – ≥ 3000 Bq</p> <p>Dải năng lượng: Các hạt alpha: ≤ 3500 – ≥ 10000 keV Các hạt beta: ≤ 50 – ≥ 3500 keV Sai số đo: ≤ ±15%</p> <p>Tốc độ đếm: Với kênh alpha: ≤ 0,001 s⁻¹ Với kênh beta: ≤ 0,07 s⁻¹</p>	01	

		<p>Nguồn cấp: 220 (+10/-15%) V/50±1 Hz</p> <p>- Có khả năng kết nối với máy tính thông qua phần mềm</p>		
2	Máy siêu âm xách tay chẩn đoán màu Doppler	<p>I. THÔNG TIN CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa: $\geq 40^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$ - Đạt các tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện: 100-240V, 50/60 Hz <p>II. CẤU HÌNH CUNG CẤP</p> <p>01 Máy siêu âm xách tay</p> <p><i>Bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Hệ thống máy chính - Đầu dò: <ul style="list-style-type: none"> + 01 Đầu dò Convex đa tần số + 01 Đầu dò Linear đa tần số - 01 Xe đẩy kèm bộ chia ≥ 03 ổ cắm đầu dò - 01 Phần mềm thăm khám bụng tổng quát, mạch máu - 01 Phần mềm kết nối DICOM <p>Phụ kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy in nhiệt trắng đen - 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt <p>III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT</p> <p>1. Máy chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số kênh xử lí: Lên đến ≥ 580.000 kênh - Dải động toàn hệ thống: ≥ 310 dB - Dải tần số hệ thống: ≥ 18 MHz - Cân nặng máy chính: $\leq 7,5$ kg 	01	

Màn hình:

- Màn hình LCD hoặc tốt hơn, kích thước $\geq 15,4$ inch
- Độ phân giải màn hình: $\geq 1280 \times 800$ pixels
- Góc xem màn hình: ≥ 170 độ

Pin:

- Pin Lion hoặc tương đương, có thể tháo rời
- Thời gian hoạt động: ≥ 60 phút
- Thời gian sạc pin 100%: ≤ 3 tiếng

Lưu trữ:

- ≥ 03 cổng cắm đầu dò
- Ổ cứng bên trong ≥ 512 GB SSD
- Cho phép lưu các nghiên cứu về bệnh nhân bao gồm hình ảnh, đoạn phim, báo cáo và phép đo
- Dung lượng chứa ảnh lên đến ≥ 30.000 khung ảnh tĩnh

Đầu ra hệ thống:

- Đầu ra video/âm thanh: ≥ 01 cổng HDMI
- Kết nối mạng: ≥ 01 cổng Ethernet loại RJ45
- Số cổng USB: ≥ 04 cổng

2. Chế độ hoạt động:

Chế độ 2D

Doppler màu:

- Doppler màu dựa trên vận tốc
- Doppler năng lượng

Doppler phổ:

- Sóng xung
- Sóng liên tục
- Chế độ Duplex và Triplex

Chế độ M

- M-mode giải phẫu

3. Chế độ hiển thị:

Đặc tính kỹ thuật cho Chế độ 2D

- Tốc độ khung hình lên đến ≥ 1.000 khung hình / giây (phụ thuộc vào đầu dò)
- Tối đa ≥ 10 tần số sử dụng do người dùng lựa chọn
- Độ ổn định: ≥ 5 mức
- Tăng độ nét của cạnh: ≥ 4 mức
- Lựa chọn dải động: ≤ 10 đến ≥ 90 dB
- Độ khuếch đại: ≤ -30 đến $\geq +30$ dB
- Bản đồ thang xám do người dùng lựa chọn: ≥ 7 bản đồ
- Bản đồ màu 2D: ≥ 16 bản đồ
- Độ sâu hiển thị tối đa: ≥ 30 cm

Đặc tính kỹ thuật cho Chế độ M

- Tần số: ≥ 4 tần số do người dùng lựa chọn
- Tăng cường bờ: ≥ 4 lựa chọn
- Dải động hiển thị: ≤ 10 đến ≥ 90 dB
- Độ khuếch đại: ≤ -30 đến $\geq +30$ dB
- Bản đồ thang độ xám: ≥ 7 bản đồ
- Bản đồ đồ màu M-mode: ≥ 16 bản đồ
- Tốc độ quét: ≥ 10 lựa chọn
- Chế độ hiển thị: M-mode toàn màn hình, 2D/M-mode

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler màu vận tốc

- Tốc độ khung hình Doppler màu lên đến ≥ 175 fps (tùy vào loại đầu dò)
- Tần số phát: ≥ 3 tần số do người dùng lựa chọn cho mỗi đầu dò
- Lái tia trái/phải trên tất cả các loại đầu dò tuyến tính
- Đảo màu Doppler
- Bản đồ vận tốc Doppler màu: ≥ 10 bản đồ
- Dải PRF: ≤ 100 đến ≥ 25.500 Hz (tùy đầu dò)
- Độ khuếch đại: ≤ -20 đến ≥ 20 dB
- Mật độ dòng Doppler màu: ≥ 6 lựa chọn

- Lọc thành: ≥ 4 lựa chọn

- Làm mịn màu: ≥ 4 mức

- Ổn định Doppler màu: ≥ 5 mức

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler năng lượng

- Lái tia trái/phải trên tất cả các loại đầu dò tuyến tính

- Tần số phát: ≥ 3 tần số do người dùng lựa chọn

- Bản đồ Doppler Năng lượng: ≥ 8 bản đồ

- Dải PRF: ≤ 100 đến ≥ 25.500 Hz (tùy đầu dò)

- Độ khuếch đại: ≤ -20 đến ≥ 20 dB

- Mật độ dòng Doppler Năng lượng: ≥ 6 lựa chọn

- Lọc thành: ≥ 4 lựa chọn

- Làm mịn Doppler Năng lượng: ≥ 4 mức

- Ưu tiên mô/ Doppler năng lượng: ≥ 5 lựa chọn

- Độ ổn định màu: ≥ 5 mức

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler xung

- Tốc độ quét: ≥ 10 lựa chọn

- Bản đồ thang xám: ≥ 7 bản đồ

- Bản đồ màu Doppler: ≥ 12 bản đồ do người dùng lựa chọn

- Độ khuếch đại: ≤ -30 đến $\geq +30$ dB

- Dải PRF: ≤ 200 đến ≥ 19.500 Hz (tùy đầu dò)

- Dải thang vận tốc: $\pm \leq 1,5$ đến $\pm \geq 750$ cm/giây

- Hiệu chỉnh góc: ≥ 89 độ

- Kích thước cổng: ≤ 1.0 đến ≥ 20 mm

- Lọc thành: ≥ 7 lựa chọn

- Dịch chuyển đường nền: ≥ 13 mức

- Đảo phỏ

- Chức năng tự động bao viền phỏ

Đặc tính kỹ thuật cho Doppler liên tục có lái tia

- Tốc độ quét: ≥ 10 lựa chọn

- Bản đồ thang xám hậu xử lí: ≥ 7 bản đồ
- Màu Doppler: ≥ 12 bản đồ
- Độ khuếch đại: ≤ -30 đến $\geq +30$ dB
- Dải PRF: ≤ 200 đến ≥ 78.000 Hz
- Dải thang vận tốc: $\pm \leq 1,5$ đến $\pm \geq 1.200$ cm/s
- Lọc thành: ≥ 7 lựa chọn
- Dịch chuyển đường nền: ≥ 13 mức
- Đảo phổ

4. Các phần mềm hình ảnh

- Phần mềm giảm nhiễu đốm hình ảnh
- Phần mềm kết hợp không gian đa hướng để cải thiện xác định ranh giới với ≥ 7 góc điều chỉnh trên đầu dò tuyến tính, ≥ 7 góc điều chỉnh trên đầu dò cong
- Phần mềm triệt tiêu nhiễu ảnh màu tự động
- Phần mềm tối ưu hóa hình ảnh
- Phần mềm kết nối DICOM 3.0
- Phần mềm chống virus tích hợp trong hệ thống siêu âm

5. Các phép đo và phân tích

Đo lường chung ở chế độ 2D, M-mode và Doppler

Đo lường trong sản khoa

Đo lường trong phụ khoa

Đo lường trong mạch máu

Đo đường trong ổ bụng

Đo lường trong siêu âm cấp cứu

6. Đầu dò:

Đầu dò convex đa tần số

- Dải tần số: $\leq 1,5$ đến $\geq 5,5$ MHz
- Số chấn tử đầu dò: ≥ 128
- Trường nhìn tối đa: ≥ 57 độ
- Độ sâu hiển thị tối đa: ≥ 300 mm

	<p><i>Đầu dò linear đa tần số</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Dải tần số: $\leq 3,5$ đến $\geq 13,0$ MHz- Số chân tử đầu dò: ≥ 128- Độ sâu hiển thị tối đa: ≥ 100 mm <p>7. Máy in nhiệt đen trắng</p> <ul style="list-style-type: none">- Công nghệ: in nhiệt- Tốc độ in: xấp xỉ $\leq 1,9$ giây/ảnh- Độ phân giải: ≥ 325 dpi- Khổ giấy in: ≥ 110mm- Cổng giao tiếp USB		
--	--	--	--